TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 8 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Hoàng Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau*** *tham gia phiên tòa:* Ông Phan Văn Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Huỳnh T, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Ông Dương Văn L, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm D, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 cùng các văn bản khác, nguyên đơn là bà Đặng Huỳnh T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2012 bà và ông Dương Văn L chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh C và được chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2014. Quá trình chung sống thời

gian đầu vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau một quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Ông L không lo làm ăn, ham chơi và không quan tâm đến vợ con. Bà và ông L không còn chung sống với nhau từ ngày 05/3/2019 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn L. Về con chung có 01 người tên là Dương Chí T (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2013 hiện do bà đang nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Dương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ.

Đại diện Chính quyền địa phương Khóm D, thị trấn C, huyện P, tỉnh C xác định: Ông Dương Văn L có sinh sống tại Khóm D, thị trấn C, huyện P, tỉnh C nhưng đã có thời gian ông L đi làm ăn xa, lập gia đình rồi tiếp tục đi làm ăn không về lại địa phương vài năm trở lại đây. Nay, ông L về lại địa phương sinh sống và đang đi làm biển. Đối với chính quyền địa phương chỉ nắm được thông tin còn về nguyên nhân cụ thể thì không rõ. Khi các bên tranh chấp, mâu thuẫn các đương sự không có trình báo chính quyền địa phương.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của cùa người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Đặng Huỳnh T ly hôn với ông Dương Văn L. Về con chung giao cho bà T nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí buộc bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Huỳnh T yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung đối với ông Dương Văn L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Dương Văn L vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Dương Văn L.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà T xác định bà và ông L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh C và được chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2014. Hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà T và ông L được công nhận là vợ chồng. Xét về mâu thuẫn, bà T xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên sau một quá trình chung sống thì giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn do ông L không lo làm ăn, ham chơi và

không quan tâm đến vợ con. Bà T và ông L không còn chung sống với nhau từ ngày 05/3/2019 cho đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục hàn gắn và chung sống với nhau được nên bà T yêu cầu được ly hôn. Ông L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ cho thấy ông L không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L đã và đang trầm trọng, bà T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở để chấp nhận cho bà Đặng Huỳnh T ly hôn với ông Dương Văn L.

[3]. Về con chung: Bà T xác định có 01 người con chung tên là Dương Chí T (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2013 hiện tại con chung bà T đang nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T và ông L không còn chung sống với nhau từ ngày 05/3/2019 cho đến nay nên việc tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi là phù hợp nên có cơ sở để chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định quá trình chung sống giữa bà và ông L không có tài sản chung và nợ chung. Nay bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đặng Huỳnh T ly hôn với ông Dương Văn L.

2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Huỳnh T chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Dương Chí T (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2013 cho đến khi Dương Chí T thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Huỳnh T về việc không yêu cầu ông Dương Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Dương Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Huỳnh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019071 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H.Phú Tân;*
- *Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);*
- *Chi cục THADS H.Phú Tân;*
- *UBND xã T, huyện C, tỉnh C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước